

CHƯƠNG 6

TIÊU CHUẨN, QUY CHUẨN KỸ THUẬT VÀ QUY TRÌNH ĐÁNH GIÁ SỰ PHÙ HỢP

Điều 6.1: Định nghĩa

Theo mục đích của Chương này, các thuật ngữ và định nghĩa được cung cấp trong Phụ lục 1 của Hiệp định TBT sẽ được áp dụng.

Điều 6.2: Mục tiêu

Mục tiêu của Chương này là tạo thuận lợi cho thương mại hàng hóa giữa các Bên bằng cách:

- (a) đảm bảo rằng các tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật và quy trình đánh giá sự phù hợp không tạo ra những trở ngại không cần thiết đối với thương mại;
- (b) tăng cường thực thi Hiệp định TBT;
- (c) thúc đẩy sự hiểu biết lẫn nhau về các tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật và quy trình đánh giá sự phù hợp của mỗi Bên;
- (d) tăng cường trao đổi thông tin và hợp tác giữa các Bên trong lĩnh vực tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật và quy trình đánh giá sự phù hợp, bao gồm cả hoạt động của các tổ chức quốc tế liên quan;
- (e) giải quyết các vấn đề có thể phát sinh theo Chương này; và
- (f) cung cấp một khuôn khổ để thực hiện các mục tiêu trên.

Điều 6.3: Phạm vi

1. Chương này sẽ áp dụng cho các tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật và quy trình đánh giá sự phù hợp của các cơ quan trung ương có thể ảnh hưởng đến thương mại hàng hóa giữa các Bên. Chương này sẽ không áp dụng cho:

(a) bất kỳ biện pháp vệ sinh hoặc kiểm dịch thực vật nào được đề cập trong Chương 5 (Các biện pháp vệ sinh và kiểm dịch động thực vật); và

(b) thông số kỹ thuật mua sắm do các cơ quan chính phủ chuẩn bị cho các yêu cầu sản xuất hoặc tiêu dùng của các cơ quan chính phủ.

2. Mỗi Bên sẽ thực hiện các biện pháp hợp lý mà mình có thể có được để đảm bảo sự tuân thủ, trong việc thực hiện Chương này, bởi các cơ quan chính quyền địa phương và các tổ chức phi chính phủ trong lãnh thổ của mình mà có trách nhiệm chuẩn bị, thông qua và áp dụng tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật và quy trình đánh giá sự phù hợp.

3. Không có nội dung nào trong Chương này ngăn cản một Bên biên soạn, chấp nhận, áp dụng hoặc duy trì các tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật và quy trình đánh giá sự phù hợp theo cách thức phù hợp với Hiệp định TBT và Chương này.

Điều 6.4: Khẳng định và hợp nhất Hiệp định TBT

1. Mỗi Bên khẳng định các quyền và nghĩa vụ của mình theo Hiệp định TBT và các điều khoản sau đây của Hiệp định TBT được hợp nhất và trở thành một phần của Hiệp định này, với những sửa đổi bổ sung:

(a) Điều 2, ngoại trừ các khoản 4, 7, 8 và 12;

(b) khoản 2 của Điều 4;

(c) Điều 5, ngoại trừ khoản 4;

(d) khoản 3 Điều 6;

(e) khoản 1 Điều 9; và

(f) Phụ lục 3, ngoại trừ đoạn A.

2. Trong trường hợp có bất kỳ sự không phù hợp nào giữa bất kỳ điều khoản nào của Hiệp định TBT được hợp nhất theo khoản 1 và các điều khoản khác của Chương này, điều khoản sau sẽ được ưu tiên áp dụng.

3. Không Bên nào được sử dụng để giải quyết tranh chấp theo Chương 19 (Giải quyết tranh chấp) đối với bất kỳ tranh chấp nào được cho rằng chỉ vi phạm các quy định của Hiệp định TBT đã được hợp nhất trong khoản 1.

Điều 6.5: Tiêu chuẩn, Hướng dẫn và Khuyến nghị Quốc tế

1. Các Bên thừa nhận vai trò quan trọng của các tiêu chuẩn, hướng dẫn và khuyến nghị quốc tế trong việc hài hòa các quy chuẩn kỹ thuật, quy trình đánh giá sự phù hợp và tiêu chuẩn quốc gia, và trong việc giảm thiểu các hàng rào không cần thiết đối với thương mại.

2. Để xác định liệu có tồn tại một tiêu chuẩn, hướng dẫn hoặc khuyến nghị quốc tế theo nghĩa của Điều 2 và 5 và Phụ lục 3 của Hiệp định TBT hay không, mỗi Bên phải tính đến các nguyên tắc được nêu trong Quyết định của Ủy ban về Nguyên tắc xây dựng Tiêu chuẩn, Hướng dẫn và Khuyến nghị Quốc tế liên quan đến Điều 2, 5 và Phụ lục 3 của Hiệp định (G/TBT/9, ngày 13 tháng 11 năm 2000, Phụ lục 4), và các quyết định và khuyến nghị liên quan tiếp theo về vấn đề này, đã được Ủy ban WTO thông qua về Hàng rào Kỹ thuật trong Thương mại (sau đây được gọi là “Ủy ban TBT của WTO” trong Chương này).

3. Khi thích hợp, các Bên sẽ tăng cường phối hợp và liên lạc với nhau trong bối cảnh các cuộc thảo luận về các tiêu chuẩn quốc tế và các vấn đề liên quan tại các diễn đàn quốc tế khác, chẳng hạn như Ủy ban TBT của WTO.

Điều 6.6: Tiêu chuẩn

1. Đối với việc biên soạn, chấp nhận và áp dụng tiêu chuẩn, mỗi Bên phải đảm bảo rằng cơ quan tiêu chuẩn hóa của mình hoặc các cơ quan biên soạn, chấp nhận và áp dụng các tiêu chuẩn quốc gia chấp thuận và phù hợp với Phụ lục 3 của Hiệp định TBT.

2. Trong trường hợp cần thiết phải sửa đổi nội dung hoặc cấu trúc của các tiêu chuẩn quốc tế liên quan để xây dựng tiêu chuẩn quốc gia của một Bên, thì Bên đó, theo yêu cầu của Bên khác, khuyến khích cơ quan hoặc các cơ quan tiêu chuẩn hóa của mình cung cấp những điểm khác biệt về nội dung và cấu trúc, và lý do cho những khác biệt đó. Bất kỳ khoản phí nào tính cho dịch vụ này, ngoài chi phí giao hàng thực tế, đối với người nước ngoài và người trong nước sẽ như nhau.

Ngoài khoản 2, mỗi Bên phải đảm bảo rằng cơ quan hoặc các cơ quan tiêu chuẩn hóa của mình đảm bảo việc sửa đổi nội dung và cấu trúc của các tiêu chuẩn quốc tế không được soạn thảo, chấp nhận hoặc áp dụng với mục đích hoặc có tác dụng tạo ra những trở ngại không cần thiết đối với thương mại quốc tế.

4. Mỗi Bên sẽ khuyến khích sự hợp tác giữa cơ quan hoặc các cơ quan tiêu chuẩn hóa có liên quan trong lãnh thổ của mình và cơ quan hoặc các cơ quan tiêu chuẩn hóa của các Bên khác, trong các lĩnh vực như:

(a) trao đổi thông tin về tiêu chuẩn;

(b) trao đổi thông tin liên quan đến các quy trình xây dựng tiêu chuẩn; và

(c) các hoạt động tiêu chuẩn hóa quốc tế trong các lĩnh vực hai bên cùng quan tâm.

Điều 6.7: Quy định kỹ thuật

1. Mỗi Bên sẽ sử dụng các tiêu chuẩn quốc tế liên quan hoặc các phần liên quan của chúng, trong phạm vi quy định tại khoản 4 Điều 2 của Hiệp định TBT, làm cơ sở cho các quy chuẩn kỹ thuật của mình. Khi một Bên không sử dụng các tiêu chuẩn quốc tế đó hoặc các phần liên quan của chúng làm cơ sở cho các quy

chuẩn kỹ thuật của mình, thì theo yêu cầu của Bên khác, Bên đó phải giải thích lý do.

2. Khi thực hiện khoản 2 Điều 2 của Hiệp định TBT, mỗi Bên sẽ xem xét các giải pháp thay thế sẵn có để đảm bảo rằng các quy chuẩn kỹ thuật được đề xuất áp dụng không hạn chế thương mại hơn mức cần thiết để thực hiện một mục tiêu pháp lý.

3. Mỗi Bên sẽ xem xét tích cực việc chấp nhận các quy chuẩn kỹ thuật tương đương của Bên khác, ngay cả khi các quy định đó khác với các quy định của mình, miễn là các quy định đó đáp ứng đầy đủ các mục tiêu của các quy định của mình.

4. Trường hợp một Bên không chấp nhận quy chuẩn kỹ thuật của Bên khác tương đương với quy chuẩn kỹ thuật của mình, thì theo yêu cầu của Bên kia, phải giải thích lý do cho quyết định của mình.

5. Khi thực hiện khoản 8 Điều 2 của Hiệp định TBT, khi một Bên không quy định các quy chuẩn kỹ thuật dựa trên các yêu cầu của sản phẩm về tính năng hơn là thiết kế hoặc mô tả đặc tính, thì Bên đó, theo yêu cầu của Bên khác, cung cấp lý do của mình.

6. Trừ trường hợp các vấn đề khẩn cấp về an toàn, sức khỏe, bảo vệ môi trường, an ninh quốc gia phát sinh hoặc có nguy cơ phát sinh, các Bên sẽ cho phép một khoảng thời gian hợp lý giữa việc công bố quy chuẩn kỹ thuật đến khi quy chuẩn kỹ thuật có hiệu lực để cung cấp đủ thời gian cho các nhà sản xuất của các Bên xuất khẩu điều chỉnh sản phẩm hoặc phương pháp sản xuất của mình theo yêu cầu của các Bên nhập khẩu. Theo mục đích của khoản này, “khoảng thời gian hợp lý” sẽ được hiểu thông thường là khoảng thời gian không ít hơn sáu tháng, trừ trường hợp điều này không hiệu quả trong việc thực hiện các mục tiêu pháp lý mà quy chuẩn kỹ thuật đề ra.

7. Theo yêu cầu của một Bên có quan tâm đến việc xây dựng một quy chuẩn kỹ thuật tương tự như quy chuẩn kỹ thuật của một Bên khác, Bên được yêu cầu sẽ cung cấp, trong phạm vi có thể, thông tin liên quan, bao gồm các nghiên cứu hoặc tài liệu, ngoại trừ thông tin bí mật, mà họ đã dựa vào trong quá trình xây dựng.

8. Mỗi Bên phải áp dụng thống nhất và nhất quán các quy chuẩn kỹ thuật của mình do các cơ quan trung ương của mình biên soạn và thông qua trên toàn lãnh thổ của mình. Để rõ ràng hơn, không có điều gì trong khoản này được hiểu là ngăn cản các cơ quan chính quyền địa phương biên soạn, chấp nhận và áp dụng các quy chuẩn kỹ thuật bổ sung theo cách phù hợp với các quy định của Hiệp định TBT.

Điều 6.8: Thủ tục đánh giá sự phù hợp

1. Ngoài khoản 4 Điều 5 của Hiệp định TBT, mỗi Bên phải đảm bảo rằng các cơ quan trung ương sử dụng các tiêu chuẩn quốc tế liên quan hoặc các phần liên quan của chúng làm cơ sở cho quy trình đánh giá sự phù hợp của họ, trừ trường hợp được giải thích hợp lý theo yêu cầu, các tiêu chuẩn hoặc các phần liên quan không phù hợp với Bên có liên quan, vì các lý do khác nhau, chẳng hạn như: yêu cầu an ninh quốc gia; ngăn chặn các hành vi lừa đảo; bảo vệ sức khỏe hoặc sự an toàn của con người, cuộc sống hoặc sức khỏe của động vật hoặc thực vật, hoặc môi trường; các yếu tố khí hậu hoặc địa lý cơ bản khác; các vấn đề cơ bản về công nghệ hoặc cơ sở hạ tầng.

2. Mỗi Bên thừa nhận tầm quan trọng của việc chấp nhận kết quả đánh giá sự phù hợp được thực hiện ở một Bên khác nhằm tăng hiệu quả, tránh trùng lặp và đảm bảo hiệu quả chi phí của đánh giá sự phù hợp.

3. Mỗi Bên phải đảm bảo, bất cứ khi nào có thể, kết quả đánh giá sự phù hợp của một Bên khác được chấp nhận, ngay cả khi các quy trình đó khác với các quy trình của mình, trừ khi các quy trình đó không đảm bảo sự phù hợp với các quy chuẩn kỹ thuật hiện hành hoặc các tiêu chuẩn tương đương với quy trình riêng của họ.

4. Một Bên, theo yêu cầu của Bên khác, giải thích lý do của việc không chấp nhận kết quả đánh giá sự phù hợp được thực hiện ở Bên kia.

5. Mỗi Bên thừa nhận rằng, tùy thuộc vào tình hình của Bên đó và các ngành cụ thể có liên quan, một loạt các cơ chế tồn tại để tạo điều kiện thuận lợi cho việc chấp nhận kết quả đánh giá sự phù hợp được thực hiện ở Bên khác. Các cơ chế có thể bao gồm:

(a) các thỏa thuận thừa nhận lẫn nhau kết quả đánh giá sự phù hợp do các cơ quan của các Bên liên quan tiến hành;

(b) các thỏa thuận hợp tác (tự nguyện) giữa các cơ quan công nhận hoặc giữa các cơ quan đánh giá sự phù hợp của các Bên liên quan;

(c) sử dụng công nhận để sát hạch các tổ chức đánh giá sự phù hợp, bao gồm thông qua các thỏa thuận hoặc thỏa thuận đa phương có liên quan, để thừa nhận kết quả công nhận do các Bên khác cấp;

(d) chỉ định các cơ quan đánh giá sự phù hợp ở một Bên khác;

(e) một Bên đơn phương công nhận kết quả của quy trình đánh giá sự phù hợp được thực hiện ở một Bên khác; và

(f) công bố sự phù hợp của nhà sản xuất hoặc nhà cung cấp.

6. Khi có yêu cầu hợp lý, các Bên liên quan sẽ trao đổi thông tin hoặc chia sẻ kinh nghiệm về các cơ chế nêu tại đoạn 5, bao gồm cả việc xây dựng và áp dụng chúng, nhằm tạo điều kiện thuận lợi cho việc chấp nhận kết quả của quy trình đánh giá sự phù hợp.

7. Các Bên thừa nhận vai trò quan trọng mà các tổ chức quốc tế, bao gồm cả các tổ chức khu vực liên quan, có thể thực hiện hợp tác trong lĩnh vực đánh giá sự phù hợp. Về vấn đề này, mỗi Bên phải xem xét tư cách tham gia hoặc tư cách thành viên trong các tổ chức như vậy của các cơ quan có liên quan của các Bên để tạo điều kiện cho sự hợp tác này.

8. Các Bên nhất trí khuyến khích sự hợp tác giữa các cơ quan đánh giá sự phù hợp liên quan của mình trong việc hợp tác chặt chẽ hơn nhằm tạo điều kiện thuận lợi cho việc chấp nhận kết quả đánh giá sự phù hợp giữa các Bên.

9. Mỗi Bên, bất cứ khi nào có thể, cho phép sự tham gia của các cơ quan đánh giá sự phù hợp của một Bên khác trong các quy trình đánh giá sự phù hợp của mình

trong các điều kiện không kém thuận lợi hơn so với các điều kiện dành cho các cơ quan đánh giá sự phù hợp trong Bên đó.

10. Trường hợp một Bên cho phép sự tham gia của các cơ quan đánh giá sự phù hợp của mình và không cho phép các cơ quan đánh giá sự phù hợp của Bên khác tham gia vào các quy trình đánh giá sự phù hợp của mình, thì theo yêu cầu của Bên kia, phải giải thích lý do từ chối quyết định của mình.

Điều 6.9: Hợp tác

1. Các Bên sẽ tăng cường hợp tác trong lĩnh vực tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật và quy trình đánh giá sự phù hợp, phù hợp với các mục tiêu của Chương này.

2. Mỗi Bên, theo yêu cầu của Bên khác, sẽ xem xét tích cực các đề xuất hợp tác về các vấn đề hai bên cùng quan tâm về tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật và quy trình đánh giá sự phù hợp.

3. Sự hợp tác như vậy, sẽ dựa trên các điều khoản và điều kiện cùng xác định, có thể bao gồm:

(a) tư vấn, hỗ trợ kỹ thuật hoặc nâng cao năng lực liên quan đến việc xây dựng và áp dụng tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật và quy trình đánh giá sự phù hợp;

(b) hợp tác giữa các cơ quan đánh giá sự phù hợp, cả chính phủ và phi chính phủ, ở các Bên về các vấn đề cùng quan tâm;

(c) hợp tác trong các lĩnh vực cùng quan tâm trong hoạt động của các cơ quan khu vực và quốc tế liên quan liên quan đến việc xây dựng và áp dụng tiêu chuẩn và quy trình đánh giá sự phù hợp, chẳng hạn như tăng cường tham gia vào các khuôn khổ công nhận lẫn nhau do các cơ quan khu vực và quốc tế có liên quan xây dựng;

(d) tăng cường hợp tác trong việc xây dựng và soát xét các tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật và quy trình đánh giá sự phù hợp; và

(e) tăng cường trao đổi và phối hợp trong Ủy ban TBT của WTO và các diễn đàn quốc tế hoặc khu vực có liên quan.

4. Mỗi Bên, theo yêu cầu của Bên khác, sẽ xem xét các đề xuất cụ thể các ngành để hợp tác cùng có lợi theo Chương này.

Điều 6.10: Thảo luận kỹ thuật

1. Khi một Bên xét thấy cần phải giải quyết một vấn đề liên quan đến thương mại và các quy định theo Chương này, Bên đó có thể đưa ra yêu cầu bằng văn bản để thảo luận kỹ thuật. Bên được yêu cầu sẽ trả lời yêu cầu đó càng sớm càng tốt.

2. Bên được yêu cầu sẽ thảo luận kỹ thuật với Bên yêu cầu trong vòng 60 ngày, trừ khi các Bên liên quan có xác định khác nhau, nhằm đạt được một giải pháp thỏa đáng cho cả hai Bên. Các cuộc thảo luận kỹ thuật có thể được tiến hành thông qua bất kỳ phương tiện nào được các Bên liên quan đồng ý.

Điều 6.11: Tính minh bạch

1. Các Bên thừa nhận tầm quan trọng của các điều khoản liên quan đến tính minh bạch trong Hiệp định TBT. Về mặt này, các Bên sẽ xem xét các quyết định và khuyến nghị liên quan trong các Quyết định và Khuyến nghị được Ủy ban WTO về Hàng rào Kỹ thuật trong Thương mại thông qua kể từ ngày 1 tháng 1 năm 1995 (G / TBT / 1 / Rev.13), có thể được sửa đổi, do Ủy ban TBT của WTO ban hành.

2. Khi có yêu cầu bằng văn bản, một Bên phải cung cấp cho Bên yêu cầu, nếu đã có, toàn bộ văn bản hoặc bản tóm tắt về các quy chuẩn kỹ thuật và quy trình đánh giá sự phù hợp đã thông báo của mình bằng tiếng Anh. Nếu không có sẵn, Bên đó sẽ cung cấp cho Bên yêu cầu một bản tóm tắt nêu rõ các yêu cầu của quy chuẩn kỹ thuật đã thông báo và các quy trình đánh giá sự phù hợp bằng tiếng Anh, trong một khoảng thời gian hợp lý do các Bên liên quan đồng ý và, nếu có thể, trong vòng 30 ngày sau khi nhận được yêu cầu bằng văn bản. Khi thực hiện câu trên, nội dung của bản tóm tắt sẽ do Bên được yêu cầu xác định.

3. Mỗi Bên, theo yêu cầu của Bên khác, cung cấp thông tin liên quan đến mục tiêu và cơ sở lý luận của quy chuẩn kỹ thuật hoặc quy trình đánh giá sự phù hợp mà Bên được yêu cầu đã thông qua hoặc đang đề xuất chấp nhận.

4. Mỗi Bên thông thường sẽ cho phép 60 ngày kể từ ngày thông báo cho WTO theo khoản 9 Điều 2 và khoản 6 Điều 5 của Hiệp định TBT để các Bên khác góp ý kiến bằng văn bản, trừ trường hợp các vấn đề khẩn cấp về an toàn, sức khỏe, bảo vệ môi trường, hoặc an ninh quốc gia phát sinh hoặc có nguy cơ phát sinh. Mỗi Bên sẽ xem xét các góp ý của Bên khác và sẽ cố gắng đưa ra phản hồi cho các nhận xét đó khi có yêu cầu.

5. Mỗi Bên sẽ cho phép người của Bên khác tham gia vào quy trình tham vấn rộng rãi để xây dựng các quy chuẩn kỹ thuật, tiêu chuẩn quốc gia và các quy trình đánh giá sự phù hợp của Bên đó, theo luật và quy định của Bên đó, với các điều kiện không hơn không kém thuận lợi hơn những gì dành cho người của mình.

6. Khi một Bên giữ một lô hàng nhập khẩu, tại điểm nhập cảnh do không phù hợp với quy chuẩn kỹ thuật hoặc quy trình đánh giá sự phù hợp, Bên đó phải thông báo cho nhà nhập khẩu hoặc đại diện của họ, càng sớm càng tốt, lý do của việc tạm giữ.

7. Trừ khi có quy định khác trong Chương này, bất kỳ thông tin hoặc giải thích nào được một Bên yêu cầu theo Chương này sẽ được Bên được yêu cầu cung cấp bằng bản in hoặc điện tử, trong một khoảng thời gian hợp lý được các Bên liên quan đồng ý và nếu có thể, trong vòng 60 ngày. Khi được yêu cầu, Bên được yêu cầu sẽ cung cấp thông tin hoặc giải thích đó bằng ngôn ngữ hoặc các ngôn ngữ được các Bên liên quan đồng ý hoặc bằng tiếng Anh bất cứ khi nào có thể.

Điều 6.12: Đầu mối liên hệ

1. Mỗi Bên, trong vòng 30 ngày kể từ ngày Hiệp định này có hiệu lực đối với Bên đó, chỉ định một hoặc nhiều đầu mối liên hệ chịu trách nhiệm điều phối việc thực hiện Chương này và thông báo cho các Bên khác về chi tiết liên hệ của cán bộ hoặc các cán bộ trong đầu mối liên hệ đó, bao gồm số điện thoại, số fax, địa chỉ email và bất kỳ chi tiết liên quan nào khác. Mỗi Bên phải thông báo ngay cho các Bên khác về bất kỳ thay đổi nào đối với các chi tiết liên hệ đó.

2. Mỗi Bên phải đảm bảo rằng đầu mối liên hệ hoặc các đầu mối liên hệ của mình tạo điều kiện thuận lợi cho việc trao đổi thông tin giữa các Bên về tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật và quy trình đánh giá sự phù hợp, phản hồi mọi yêu cầu hợp lý về thông tin đó từ Bên khác.

Điều 6.13: Thực hiện các thỏa thuận

Các Bên có thể xây dựng các thỏa thuận song phương hoặc đa phương để đưa ra các lĩnh vực hợp tác mà hai Bên cùng quan tâm để áp dụng Chương này. Các Bên đã thông qua các thỏa thuận như vậy theo Chương này được khuyến khích, nếu cả hai cùng đồng ý, báo cáo các thỏa thuận đó cho Ủy ban về Hàng hóa.

Điều 6.14: Giải quyết tranh chấp

Chương 19 (Giải quyết Tranh chấp) sẽ không áp dụng cho bất kỳ vấn đề nào phát sinh theo Chương này khi Hiệp định này có hiệu lực và việc không áp dụng này sẽ được các Bên xem xét sau hai năm kể từ ngày Hiệp định này có hiệu lực. Trong quá trình xem xét, các Bên sẽ tích cực xem xét việc áp dụng Chương 19 (Giải quyết Tranh chấp) cho toàn bộ hoặc các phần của Chương này. Việc xem xét sẽ được hoàn thành trong vòng ba năm kể từ ngày Hiệp định này có hiệu lực.